

Bản án số: **63** /2019/HNGĐ - ST

Ngày: 18/7/2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH - TỈNH TH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa:
Không tham gia

Hôm nay, ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 157/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐSTHNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Mai N, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Tổ X, phường P, thành phố TH, tỉnh TH.

2. Bị đơn: Anh Nông Trung Đ, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Tổ X, phường P, thành phố TH, tỉnh TH

(Có mặt chị N, vắng mặt anh Đ tại phiên tòa lần thứ hai)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Mai N trình bày: Chị Bùi Thị Mai N và anh Nông Trung Đ kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố TH, tỉnh TH trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bắt đầu từ quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng có đánh chửi nhau, đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa giải, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vợ chồng ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung Nông Ngọc Tú A, sinh ngày 18/8/2015. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Phía bị đơn anh Nông Trung Đ (vắng mặt tại phiên tòa) tại bản tự khai, đã trình bày: Năm 2015 anh kết hôn với chị Bùi Thị Mai N, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố TH. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống. Chị N xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Có một con chung Nông Ngọc Tú A, sinh ngày 18/8/2015. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N nuôi dưỡng cháu Nông N Tú A theo nguyện vọng của chị N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đã được giao thông báo phiên hòa giải, nhưng anh vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Bùi Thị Mai N và anh Nông Trung Đ đều có nơi cư trú tại thành phố TH, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố TH theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Đ, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Mai N và anh Nông Trung Đ kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố TH, tỉnh TH nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Lý do chị N xin ly hôn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai. Anh Đ

cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị N và anh Đ không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N là phù hợp với thực tế quy định tại Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình 2015.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nông Ngọc Tú A, sinh ngày 18/8/2015. Chị N có nguyện vọng nuôi con vì hiện nay con đang ở với chị, anh Đ cũng nhất trí để cho chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy để đảm bảo sự phát triển bình thường của con trẻ, tránh sự xáo trộn cuộc sống không cần thiết. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N và anh Đ không yêu cầu, nên không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Đ xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của Chị Bùi Thị Mai N. Chị Bùi Thị Mai N được ly hôn anh Nông Trung Đ.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Bùi Thị Mai N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nông Ngọc Tú A sinh ngày 18/8/2015 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Nông Trung Đ được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

* *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì chị N, anh Đ không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Án phí:* Chị Bùi Thị Mai N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007378 ngày 06/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

5. *Quyền kháng cáo:* Chị Bùi Thị Mai N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nông Trung Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố TH;
- THADS thành phố TH;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thanh Trúc

